

Số: 73/TB-ĐHTL-PH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về triển khai kế hoạch học kỳ 1 năm học 2026-2027 đối với sinh viên khóa 67 trở về trước trình độ đại học chính quy tại Phân hiệu

Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-ĐHTL ngày 01/7/2026 về ban hành kế hoạch đào tạo năm học 2026-2027 của Trường Đại học Thủy lợi;

Căn cứ chương trình đào tạo các lớp trình độ Đại học chính quy.

Phân hiệu trường Đại học Thủy lợi thông báo về triển khai kế hoạch học kỳ 1 năm học 2026-2027 đối với sinh viên khóa 67 trình độ đại học chính quy tại Phân hiệu cụ thể như sau:

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập học kỳ 1 năm học 2026-2027:

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Đối với sinh viên K65 ngành KT, QT, LG, TMDT, NNA, CNTT, TTNT	18 tuần từ 31/08 - 03/01/2027	
1.1	Giai đoạn 1		
a.	Thời gian học	08 tuần từ 31/8 - 25/10/2026	
b.	Thời gian ôn và thi	02 tuần từ 26/10 - 08/11/2026	
1.2	Giai đoạn 2		
a.	Thời gian học	06 tuần từ 09/11 - 20/12/2026	
b.	Thời gian ôn và thi	02 tuần từ 21/12/2026 - 03/01/2027	
2	Đối với sinh viên K65 ngành C, CX, CT, GT, QLXD, N, CTN; K66 và K67	20 tuần từ 31/08 - 17/01/2027	
2.1	Giai đoạn 1		
a.	Thời gian học	08 tuần từ 31/8 - 25/10/2026	
b.	Thời gian ôn và thi	02 tuần từ 26/10 - 08/11/2026	
2.2	Giai đoạn 2		
a.	Thời gian học	08 tuần từ 09/11 - 03/01/2027	
b.	Thời gian ôn và thi	02 tuần từ 03/01/2027-17/01/2027	
3	Đối với K64 trở về trước	Thực tập tốt nghiệp và học phần tốt nghiệp.	Theo thông báo riêng
4	Các ngày nghỉ lễ trong năm	Giảng viên và sinh viên được nghỉ học các ngày nghỉ lễ	
3.1	Quốc Khánh	Thứ Tư ngày 02/9/2026	Được nghỉ 05 ngày từ 29/8/2026 đến hết 02/09/2026

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
3.2	Hội nghị Khoa học thường niên 2026	Chủ Nhật ngày 15/11/2026	Đề nghị tất cả Giảng viên, Sinh viên, Học viên cao học và Nghiên cứu sinh tham dự đầy đủ
3.3	Nhà giáo Việt Nam	Thứ Sáu ngày 20/11/2026	
3.4	Ngày văn hóa Việt Nam	Thứ Ba ngày 24/11/2026	
3.5	Tết Dương lịch	Thứ Sáu ngày 01/01/2027	

2. Lịch đăng ký học phần:

- Đăng ký học phần được thực hiện trực tuyến: <https://sinhvien1.tlu.edu.vn/>
→ chọn mục “Đăng ký học”.
- Xem hướng dẫn đăng ký học phần: <https://tlus.edu.vn/video-huong-dan-dang-ky-hoc/>
- Thời gian đăng ký học phần trực tuyến chia theo khóa, sinh viên xem tại bảng sau:

TT	Khóa/ ngành	Thời gian	Ghi chú
1	Thời gian đăng ký học cho sinh viên chính khóa		Đăng ký theo đúng kế hoạch và chương trình đào tạo của lớp quản lý.
1.1	K65, K66, K67	Từ 10g00, 17/8/2026 đến hết 23g00, 20/8/2026	
1.2	K64 trở về trước	Từ 10g00, 21/8/2026 đến hết 23g00, 22/8/2026	Đăng ký các học phần cùng K65, K66 và K67
2	Thời gian điều chỉnh đăng ký đợt 1: (Toàn bộ sinh viên các khóa)	Từ 10g00, 24/8/2026 đến hết 23g00, 27/8/2026	Sinh viên có thể đăng ký bổ sung khác khóa, chuyển lớp và hủy đăng ký với tất cả các lớp học phần ...
3	Thời gian điều chỉnh đăng ký đợt 2: (Toàn bộ sinh viên các khóa)	Từ 10g00, 26/10/2026 đến hết 23g00, 30/10/2026	Sinh viên có thể đăng ký bổ sung khác khóa, chuyển lớp và hủy đăng ký với các lớp học phần bắt đầu từ giai đoạn 2

3. Một số lưu ý

- Danh sách dự kiến môn mở kỳ chính Học kỳ 1 năm học 2026-2027 cho từng khóa ngành xem các Phụ lục kèm theo;
- Sinh viên truy cập hệ thống phần mềm trên website <https://sinhvien.tlu.edu.vn> theo kế hoạch để thực hiện việc đăng ký học (đối với sinh viên k60 trở về trước thì tài khoản truy cập là mã sinh viên);
- Sinh viên cần hoàn thành học phí với Phân hiệu theo đúng quy định, tránh tình trạng bị khóa tài khoản do nợ học phí, ảnh hưởng đến quá trình đăng ký học;

- Giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập đơn đốc và hỗ trợ sinh viên đăng ký học theo đúng chức năng nhiệm vụ;
- Phòng Tổ chức - Hành Chính - Quản trị cử cán bộ kỹ thuật trực hạ tầng mạng trong thời gian sinh viên đăng ký.

Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi yêu cầu các đơn vị và cá nhân liên quan nghiêm túc thực hiện nội dung thông báo này./.

Nơi nhận:

- BGĐ (để b/c);
- Các Bộ môn, CVHT;
- Sinh viên (qua website)
- Lưu VT, P. QLĐT (NC.05b)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

PGS.TS Nguyễn Đăng Tính

PHỤ LỤC: DANH SÁCH HỌC PHẦN MỞ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027
*(Kèm theo Thông báo số 73/TB-ĐHTL-PH ngày 22 tháng 7 năm 2026
 của Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi)*

I. KHÓA 64 – ĐHCQ: (Học kỳ thứ 9)

1. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Thực tập tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	INGA4298	Thủy công	8	BB	TTTN và HPTN
2	Đồ án tốt nghiệp	HPTN101	Thủy công	7	BB	TTTN và HPTN
	Tổng cộng:			15		

2. Ngành Kỹ thuật xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Thực tập tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng	CEST4188	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	8	BB	TTTN và HPTN
2	Đồ án tốt nghiệp	HPTN104	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	7	BB	TTTN và HPTN
	Tổng cộng:			15		

3. Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Thực tập tốt nghiệp ngành công nghệ kỹ thuật xây dựng	CET4198	Công nghệ và quản lý xây dựng	8	BB	TTTN và HPTN
2	Đồ án tốt nghiệp	HPTN111	Công nghệ và quản lý xây dựng	7	BB	TTTN và HPTN
	Tổng cộng:			15		

4. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Thực tập tốt nghiệp ngành kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	CETT4298	Công trình giao thông	8	BB	TTTN và HPTN
2	Đồ án tốt nghiệp	HPTN113	Công trình giao thông	7	BB	TTTN và HPTN
	Tổng cộng:			15		

5. Ngành Quản lý xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Thực tập tốt nghiệp	IGT484	Quản lý xây dựng	8	BB	TTTN và HPTN
2	Đồ án tốt nghiệp	HPTN114	Quản lý xây dựng	7	BB	TTTN và HPTN
	Tổng cộng:			15		

6. Ngành Kỹ thuật tài nguyên nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Thực tập tốt nghiệp	GI102	Kỹ thuật tài nguyên nước	8	BB	TTTN và HPTN
2	Đồ án tốt nghiệp	HPTN102	Kỹ thuật tài nguyên nước	7	BB	TTTN và HPTN
	Tổng cộng:			15		

7. Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Thực tập tốt nghiệp	GIN819	Cấp thoát nước	8	BB	TTTN và HPTN
2	Đồ án tốt nghiệp	DATN_107	Cấp thoát nước	7	BB	TTTN và HPTN
	Tổng cộng:			15		

II. KHÓA 65 – ĐHCQ: (Học kỳ thứ 7)

1. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Đánh giá tác động môi trường	ENV316	Kỹ thuật và Quản lý môi trường	2	BB	Cơ sở ngành
2	Thủy năng và thiết bị thủy điện	WPHE417	Thủy điện và năng lượng tái tạo	3	BB	Ngành
3	Công trình đường thủy	PWCD411	Công trình biển và đường thủy	2	BB	Ngành
4	Thi công 1	COTE418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
5	Công trình bảo vệ bờ biển	CPS417	Công trình biển và đường thủy	3	BB	Ngành
6	Kiến thức tự chọn		Chọn 4 tín chỉ	4		
-	<i>Thiết kế theo độ tin cậy và rủi ro</i>	<i>RBPD417</i>	<i>Công trình biển và đường thủy</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
-	<i>Thực nghiệm kết cấu công trình</i>	<i>CEST418</i>	<i>Sức bền - Kết cấu</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
	Tổng cộng:			16		

2. Ngành Kỹ thuật xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Đánh giá tác động môi trường	ENV316	Kỹ thuật và Quản lý môi trường	2	BB	Ngành
2	Thi công 1	COTE418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
3	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật xây dựng	AICE427	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	3	BB	Ngành
4	Kết cấu bê tông ứng suất trước	CEST437	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2	BB	Ngành
5	Đồ án kết cấu nhà bê tông cốt thép	CEST457	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1	BB	Ngành
6	Kết cấu nhà thép	CEST467	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	3	BB	Ngành
7	Kỹ thuật thi công công trình dân dụng và công nghiệp	CEST433	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2	BB	Ngành
8	Đồ án thi công công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp	CEST422	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1	BB	Ngành

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
9	Kiến thức tự chọn		Chọn 2 tín chỉ	2		
-	<i>Công nghệ xây dựng nhà</i>	<i>CEST424</i>	<i>Xây dựng dân dụng và công nghiệp</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
	Tổng cộng:			18		

3. Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Thiết kế công trình cầu đường	DBH417	Công trình giao thông	3	BB	Ngành
2	Quản lý đầu tư xây dựng	CET440	Công nghệ và quản lý xây dựng	3	BB	Ngành
3	Công nghệ xử lý nền móng	CET437	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
4	Dẫn dòng thi công và công tác hố móng	RDC417	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
5	Đồ án dẫn dòng thi công và công tác hố móng	RDC427	Công nghệ và quản lý xây dựng	1	BB	Ngành
6	Công nghệ xây dựng công trình đất đá	CET427	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
7	Đồ án công nghệ xây dựng công trình đất đá	CETA427	Công nghệ và quản lý xây dựng	1	BB	Ngành
8	Công nghệ xây dựng công trình bê tông	CET417	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
9	Đồ án công nghệ xây dựng công trình bê tông	CETA417	Công nghệ và quản lý xây dựng	1	BB	Ngành
10	Kiến thức tự chọn		Chọn 2 tc	2		
-	<i>Thực nghiệm kết cấu công trình</i>	<i>CEST418</i>	<i>Sức bền - Kết cấu</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
	Tổng cộng:			19		

4. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Đánh giá tác động môi trường	ENV316	Kỹ thuật và quản lý môi trường	2	BB	Cơ sở ngành
2	Thiết kế Cầu thép	CETT448	Công trình giao thông	2	BB	Ngành

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
3	Đồ án thiết kế cầu	CETT470	Công trình giao thông	1	BB	Ngành
4	Mổ trụ cầu	CETT418	Công trình giao thông	2	BB	Ngành
5	Thiết kế nền mặt đường	CETT426	Công trình giao thông	3	BB	Ngành
6	Đồ án thiết kế nền mặt đường	CETT436	Công trình giao thông	1	BB	Ngành
7	Tin học ứng dụng trong thiết kế xây dựng công trình giao thông	AITE418	Công trình giao thông	3	BB	Ngành
8	Kinh tế và quản lý khai thác đường	CETT476	Công trình giao thông	2	BB	Ngành
9	Kiến thức tự chọn		Chọn 2 tín chỉ	2		
-	Khai thác và kiểm định cầu	CETT488	Công trình giao thông	2	TC	Tự chọn
	Tổng cộng:			18		

5. Ngành Quản lý xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Công nghệ xây dựng nhà nhiều tầng	TCT418	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2	BB	Cơ sở ngành
2	Kết cấu thép	CEI496	Kết cấu công trình	2	BB	Cơ sở ngành
3	Đồ án Kinh tế đầu tư xây dựng	PCIE446	Kinh tế xây dựng	1	BB	Ngành
4	Định mức Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng	ETNC316	Kinh tế xây dựng	2	BB	Ngành
5	Quy hoạch đô thị	URPM316	Kỹ thuật hạ tầng	2	BB	Ngành
6	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	ECON427	Kinh tế xây dựng	2	BB	Ngành
7	Lập và thẩm định dự án đầu tư	ECON428	Kinh tế xây dựng	2	BB	Ngành
8	Kiến thức tự chọn		Chọn 6 tín chỉ	6		
-	<i>Giám sát đánh giá dự án đầu tư xây dựng</i>	<i>MECIP422</i>	<i>Kinh tế xây dựng</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
-	<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>	<i>SMIE412</i>	<i>Kinh tế xây dựng</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
-	<i>Định giá bất động sản</i>	<i>REP417</i>	<i>Kinh tế xây dựng</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
	Tổng cộng:			19		

6. Ngành Kỹ thuật tài nguyên nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kết cấu thép	CEI496	Kết cấu công trình	2	BB	Cơ sở ngành
2	Kinh tế xây dựng 1	CECON316	Kinh tế xây dựng	2	BB	Cơ sở ngành
3	Quy hoạch phát triển nông thôn	RPD336	Kỹ thuật tài nguyên nước	3	BB	Ngành
4	Quản lý hệ thống công trình thủy lợi	MHS438	Kỹ thuật tài nguyên nước	3	BB	Ngành
5	Đồ án quản lý hệ thống công trình thủy lợi	MHS448	Kỹ thuật tài nguyên nước	1	BB	Ngành
6	Giới thiệu và cơ sở thiết kế công trình thủy	CEHS417	Thủy công	2	BB	Ngành
7	Thi công 1	COTE418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
8	Kiến thức tự chọn		Chọn 3 tín chỉ	3		
-	<i>Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước</i>	<i>MOWR417</i>	<i>Thủy văn và Biến đổi khí hậu</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
	Tổng cộng:			18		

7. Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	GRSA419	Trắc địa	2	BB	Ngành
2	Thi công 1	COTE418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
3	Tổ chức và Quản lý xây dựng	COOM418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
4	Thoát nước	SEWS417	Cấp thoát nước	3	BB	Ngành
5	Đồ án thoát nước	SEWS427	Cấp thoát nước	1	BB	Ngành
6	Xử lý nước cấp	WAT417	Cấp thoát nước	3	BB	Ngành
7	Đồ án xử lý nước cấp	WAT427	Cấp thoát nước	1	BB	Ngành
8	Kinh tế xây dựng 1	CECON316	Kinh tế xây dựng	2	BB	Ngành
9	Kiến thức tự chọn		Chọn 3 tín chỉ	3		
9.1	<i>Thủy văn đô thị</i>	<i>URHY428</i>	<i>Thủy văn và biến đổi khí hậu</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
-	<i>Tin học ứng dụng trong cấp thoát nước</i>	<i>AIWSD418</i>	<i>Cấp thoát nước</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
	Tổng cộng:			19		

8. Ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kết cấu bê tông cốt thép	CEI485	Kết cấu công trình	3	BB	Cơ sở ngành
2	Cây xanh và chiếu sáng đô thị	GUL305	Kỹ thuật hạ tầng	2	BB	Ngành
3	Giới thiệu thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp	ICISD435	Kỹ thuật hạ tầng	3	BB	Ngành
4	Thiết kế công trình giao thông 1	TFD316	Kỹ thuật hạ tầng	2	BB	Ngành
5	Kinh tế xây dựng 1	CECON316	Kinh tế xây dựng	2	BB	Ngành
6	Công nghệ xây dựng công trình bê tông	CET417	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Ngành
9	Kiến thức tự chọn		Chọn 4 tín chỉ	4		
-	<i>Quản lý nhà ở đô thị</i>	<i>UHM310</i>	<i>Kỹ thuật hạ tầng</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
-	<i>Xử lý nước cấp</i>	<i>WAT417</i>	<i>Cấp thoát nước</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
	Tổng cộng:			18		

9. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Khai phá dữ liệu	CSE404	Hệ thống thông tin	3	BB	Cơ sở ngành
3	Quản trị mạng	CSE421	Mạng và an toàn thông tin	3	BB	Cơ sở ngành
4	Chuyên đề Công nghệ Thông tin	CSE428	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Cơ sở ngành
5	Nhóm tự chọn 2		Chọn 3 tín chỉ	3		
-	<i>Thiết kế mạng</i>	<i>CSE420</i>	<i>Mạng và an toàn thông tin</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn 2</i>
6	Nhóm tự chọn 3		Chọn 3 tín chỉ	3		
-	<i>Kết nối vạn vật và ứng dụng</i>	<i>CSE475</i>	<i>Mạng và an toàn thông tin</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn 3</i>
	Tổng cộng:			17		

10. Ngành Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Học sâu và ứng dụng	CSE429	Trí tuệ nhân tạo	3	BB	Ngành
3	Nhận dạng mẫu	CSE432	Trí tuệ nhân tạo	3	BB	Ngành
4	Chuyên đề Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	CSE433	Trí tuệ nhân tạo	3	BB	Ngành
5	Kiến thức tự chọn		Chọn 6 tín chỉ	6		
-	<i>Xử lý âm thanh và tiếng nói</i>	<i>CSE457</i>	<i>Trí tuệ nhân tạo</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
-	<i>Học Bayes</i>	<i>CSE431</i>	<i>Trí tuệ nhân tạo</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
	Tổng cộng:			17		

11. Ngành Kế toán

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn Quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kế toán quốc tế	ACC410	Kế toán	3	BB	Ngành
2	Phân tích báo cáo tài chính	ACC407	Kế toán	3	BB	Ngành
3	Quản trị hiệu suất chiến lược	ACC413	Kế toán	3	BB	Ngành
4	Đạo đức nghề nghiệp kế toán	ACC105	Kế toán	2	BB	Ngành
5	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	ACC713	Kế toán	3	BB	Ngành
6	Quản trị tác nghiệp	BACU411	Quản trị kinh doanh	3	BB	Ngành
	Tổng cộng:			17		

12. Ngành Quản trị kinh doanh (Kinh doanh quốc tế/ Marketing)

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Hệ thống thông tin quản lý	BACU313	Kinh tế xây dựng	2	BB	Ngành
2	Khởi nghiệp	BAEU201	Quản trị kinh doanh	2	BB	Ngành
3	Kế toán quản trị	ACC404	Kế toán	3	BB	Ngành
4	Quản trị chiến lược	BACU316	Quản trị kinh doanh	3	BB	Ngành
5	Quản lý chất lượng	BACU314	Quản trị kinh doanh	3	BB	Ngành
6	Kiến thức tự chọn ngành		Chọn 2 tín chỉ	2		
-	<i>Văn hóa doanh nghiệp</i>	<i>BAEU305</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
7.1	Quản trị kinh doanh quốc tế			2		
-	Quản trị tài chính quốc tế	BAIB405	Tài chính	2	BB	Chuyên ngành
	Tổng cộng:			17		
7.2	Quản trị Marketing			2		
	Quản trị thương hiệu	BAMA406	Quản trị kinh doanh	2	BB	Chuyên ngành
	Tổng cộng:			17		

13. Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Giao dịch và đàm phán kinh doanh logistics	LSCU316	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Ngành
2	Pháp luật về Logistics	LSCU209	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Ngành
3	Hàng hóa và thương hiệu trong logistics	LSCU420	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Ngành
4	Nghiệp vụ vận tải và Giao nhận hàng hóa quốc tế	LSCU421	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Ngành
5	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp logistics	LSCU422	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Ngành
6	Quản trị Vận tải đa phương thức	LSCU423	Logistics và Chuỗi cung ứng	2	BB	Ngành
	Tổng cộng:			17		

14. Thương mại điện tử

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tác nghiệp thương mại điện tử	ECOP411	Thương mại điện tử	3	BB	Ngành
2	Thanh toán điện tử	BAEC301	Thương mại điện tử	3	BB	Ngành
3	Thương mại di động	MOC473	Thương mại điện tử	3	BB	Ngành
4	Chiến lược, kế hoạch và dự án thương mại điện tử	ESPP411	Thương mại điện tử	3	BB	Ngành
5	Thực hành quảng cáo điện tử	PEAD412	Thương mại điện tử	2	BB	Ngành
6	Kiến thức tự chọn ngành		Chọn 3 tín chỉ	3		
-	<i>Quản lý chất lượng</i>	<i>BACU314</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
	Tổng cộng:			17		

15. Ngôn ngữ Anh (Chuyên ngành Quản trị và truyền thông)

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Quan hệ công chúng	PR106	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Chuyên ngành
2	Quản lý dự án	PROJ107	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Chuyên ngành
3	Quản trị sự kiện	EVEN107	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Chuyên ngành
4	Quản trị văn phòng	OMAN107	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Chuyên ngành
5	Các học phần tự chọn		Chọn 9 tín chỉ	9		
-	<i>Tiếng Anh Kinh tế và Giao tiếp thương mại</i>	<i>EEBC107</i>	<i>Ngôn ngữ Anh</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn chuyên ngành</i>
-	<i>Tiếng Anh báo chí truyền thông</i>	<i>JOUR107</i>	<i>Ngôn ngữ Anh</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn chuyên ngành</i>
-	<i>Thư tín thương mại</i>	<i>CORR107</i>	<i>Ngôn ngữ Anh</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn chuyên ngành</i>
	Tổng cộng:			21		

III. KHÓA 66 – ĐHCQ: (Học kỳ thứ 5)

1. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Cơ học kết cấu 1	CE345	Sức bền - Kết cấu	3	BB	Cơ sở khối ngành
3	Cơ học kết cấu 2	CE326	Sức bền - Kết cấu	2	BB	Cơ sở khối ngành
4	Thủy lực công trình	HYDR325	Thủy lực	3	BB	Cơ sở ngành
5	Cơ học đất	GEOT325	Địa kỹ thuật	3	BB	Cơ sở ngành
6	Thủy văn công trình	HYDR346	Thủy văn và Biến đổi khí hậu	3	BB	Cơ sở ngành
7	Kết cấu thép	CEI496	Kết cấu công trình	2	BB	Ngành
8	Đồ án kết cấu thép	CE497	Kết cấu công trình	1	BB	Ngành
9	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
	Tổng cộng:			19		

2. Ngành Kỹ thuật xây dựng

T T	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Cơ học kết cấu 1	CE345	Sức bền - Kết cấu	3	BB	Cơ sở khối ngành
3	Cơ học kết cấu 2	CE326	Sức bền - Kết cấu	2	BB	Cơ sở khối ngành
4	Ổn định và động lực học công trình	SDS316	Sức bền - Kết cấu	2	BB	Cơ sở ngành
5	Cơ học đất	GEOT325	Địa kỹ thuật	3	BB	Cơ sở ngành
6	Kết cấu bê tông cốt thép trong xây dựng	RCSB315	Kết cấu công trình	3	BB	Ngành
7	Kiến trúc công trình	ART336	Đồ họa kỹ thuật	2	BB	Ngành
8	Đồ án kiến trúc công trình	ART346	Đồ họa kỹ thuật	1	BB	Ngành
9	Thực tập công nhân	CEST423	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2	BB	Ngành
10	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
	Tổng cộng (I + 2)			20		

3. Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Cơ học kết cấu 1	CE345	Sức bền - Kết cấu	3	BB	Cơ sở khối ngành
3	Cơ học kết cấu 2	CE326	Sức bền - Kết cấu	2	BB	Cơ sở khối ngành
4	Cơ học đất	GEOT325	Địa kỹ thuật	3	BB	Cơ sở ngành
5	Thủy lực công trình	HYDR325	Thủy lực	3	BB	Cơ sở ngành
6	Thủy văn công trình	HYDR346	Thủy văn và biến đổi khí hậu	3	BB	Cơ sở ngành
7	Kỹ thuật điện	EGN316	Kỹ thuật điện, điện tử	3	BB	Cơ sở ngành
8	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
	Tổng cộng:			19		

4. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Cơ học kết cấu 1	CE345	Sức bền - Kết cấu	3	BB	Cơ sở khối ngành
3	Cơ học kết cấu 2	CE326	Sức bền - Kết cấu	2	BB	Cơ sở khối ngành
4	Cơ học đất	GEOT325	Địa kỹ thuật	3	BB	Cơ sở ngành
5	Ổn định và động lực học công trình	SDS316	Sức bền - Kết cấu	2	BB	Cơ sở ngành
6	Thủy văn công trình	HYDR346	Thủy văn và biến đổi khí hậu	3	BB	Cơ sở ngành
7	Kết cấu bê tông cốt thép trong xây dựng công trình giao thông	SCTT325	Kết cấu công trình	3	BB	Ngành
8	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
	Tổng cộng:			18		

5. Ngành Quản lý xây dựng (C)

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	AICON325	Kinh tế xây dựng	3	BB	Cơ sở ngành
3	Kinh tế xây dựng 1	CECON316	Kinh tế xây dựng	2	BB	Cơ sở ngành
4	Đồ án Kinh tế xây dựng	PCE317	Kinh tế xây dựng	1	BB	Cơ sở ngành
5	Địa kỹ thuật	CE355	Địa kỹ thuật	4	BB	Cơ sở ngành
6	Marketing xây dựng	MAR328	Kinh tế xây dựng	2	BB	Cơ sở ngành
7	Vật liệu xây dựng	CE315	Vật liệu xây dựng	3	BB	Cơ sở ngành
8	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
	Tổng cộng:			17		

6. Ngành Kỹ thuật tài nguyên nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Địa kỹ thuật	CE355	Địa kỹ thuật	4	BB	Cơ sở khối ngành
3	Thủy lực công trình	HYDR325	Thủy lực	3	BB	Cơ sở khối ngành
4	Khoa học đất	SSC214	Kỹ thuật tài nguyên nước	2	BB	Cơ sở ngành
5	Thực tập khoa học đất	SSC224	Kỹ thuật tài nguyên nước	1	BB	Cơ sở ngành
6	Vật liệu xây dựng	CE315	Vật liệu xây dựng	3	BB	Cơ sở ngành
7	Thực tập hướng nghiệp ngành kỹ thuật tài nguyên nước	IWRE316	Kỹ thuật tài nguyên nước	1	BB	Cơ sở ngành
8	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	GRSA419	Trắc địa	2	BB	Cơ sở ngành
9	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
	Tổng cộng:			18		

7. Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Địa kỹ thuật	CE355	Địa kỹ thuật	4	BB	Cơ sở khối ngành
3	Thủy lực công trình	HYDR325	Thủy lực	3	BB	Cơ sở khối ngành
4	Quá trình hóa sinh trong xử lý nước	CMWT316	Kỹ thuật và quản lý môi trường	2	BB	Cơ sở ngành
5	Vật liệu xây dựng	CE315	Vật liệu xây dựng	3	BB	Cơ sở ngành
6	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
7	Kiến thức tự chọn		Chọn 4 tín chỉ	4		
-	<i>Quản lý chất thải rắn và chất độc hại</i>	<i>ENV235</i>	<i>Kỹ thuật và quản lý môi trường</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
	Tổng cộng:			18		

8. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
3	Nguyên lý hệ điều hành	CSE353	Mạng và an toàn thông tin	3	BB	Cơ sở khối ngành
4	Thuật toán ứng dụng	CSE426	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Cơ sở ngành
5	Học máy	CSE445	Trí tuệ nhân tạo	3	BB	Cơ sở ngành
6	Lập trình Java	CSE284	Công nghệ phần mềm	3	BB	Cơ sở ngành
7	Đồ họa máy tính	CSE487	Mạng và an toàn thông tin	3	BB	Cơ sở ngành
8	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
	Tổng cộng:			19		

9. Ngành Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
3	Quản lý dữ liệu lớn	CSE355	Trí tuệ nhân tạo	3	BB	Cơ sở ngành
4	Tối ưu hóa	CSE424	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Cơ sở ngành
5	Xử lý ảnh	CSE456	Mạng và an toàn thông tin	3	BB	Cơ sở ngành
6	Học máy	CSE445	Trí tuệ nhân tạo	3	BB	Ngành
7	Khai phá dữ liệu	CSE404	Hệ thống thông tin	3	BB	Ngành
8	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
	Tổng cộng:			19		

10. Ngành Kế toán

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn Quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Kiểm toán căn bản	ACC303	Kiểm toán	3	BB	Ngành
3	Tổ chức kế toán	ACC406	Kế toán	3	BB	Ngành
4	Kế toán chi phí	ACC424	Kế toán	3	BB	Ngành
5	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
6	Kiến thức tự chọn cơ sở ngành		Chọn 4 tín chỉ	4		
-	<i>Soạn thảo văn bản kinh doanh</i>	<i>ACC104</i>	<i>Kế toán</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn cơ sở ngành</i>
-	<i>Kỹ năng đàm phán</i>	<i>NS214</i>	<i>Phát triển kỹ năng</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn cơ sở ngành</i>
7	Kiến thức tự chọn ngành		Chọn 4 tín chỉ	4		
-	<i>Kế toán xuất nhập khẩu</i>	<i>ACC422</i>	<i>Kế toán</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
-	<i>Kiểm toán nội bộ</i>	<i>ACC420</i>	<i>Kế toán</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
	Tổng cộng:			19		

11. Ngành Quản trị kinh doanh (Kinh doanh quốc tế/ Marketing)

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	BACU403	Quản trị kinh doanh	3	BB	Ngành
3	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	BACU318	Quản trị kinh doanh	3	BB	Ngành
4	Quản lý dự án	PJM322	Kinh tế xây dựng	2	BB	Ngành
5	Quản trị marketing	BACU312	Quản trị kinh doanh	2	BB	Ngành
6	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
7	Kiến thức tự chọn		Chọn 2 tín chỉ	2		
-	<i>Kinh tế quản lý</i>	<i>BACU205</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn</i>
8	Kiến thức chuyên ngành			5		
<i>a</i>	<i>Quản trị kinh doanh quốc tế</i>			5		
-	Pháp luật kinh doanh quốc tế	BAIB301	Quản trị kinh doanh	3	BB	Chuyên ngành
-	Marketing quốc tế	BAIB404	Quản trị kinh doanh	2	BB	Chuyên ngành
	Tổng cộng:			19	BB	
<i>b</i>	<i>Quản trị Marketing</i>			5		
-	Hành vi người tiêu dùng	BAMA301	Quản trị kinh doanh	3	BB	Chuyên ngành
-	Quản trị bán hàng	BAMA403	Quản trị kinh doanh	2	BB	Chuyên ngành
	Tổng cộng:			19		

12. Ngành Kinh tế xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Tin học ứng dụng trong Kinh tế xây dựng	AICE325	Kinh tế xây dựng	3	BB	Cơ sở ngành
3	Kinh tế xây dựng 1	CECON316	Kinh tế xây dựng	2	BB	Cơ sở ngành
4	Đồ án kinh tế xây dựng	PCE317	Kinh tế xây dựng	1	BB	Cơ sở ngành
5	Địa kỹ thuật	CE355	Địa kỹ thuật	4	BB	Cơ sở ngành

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
6	Marketing xây dựng	MAR328	Kinh tế xây dựng	2	BB	Cơ sở ngành
7	Vật liệu xây dựng	CE315	Vật liệu xây dựng	3	BB	Cơ sở ngành
8	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
	Tổng cộng:			17		

13. Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Kinh doanh dịch vụ logistics	LSCU311	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Ngành
3	Quản trị doanh nghiệp logistics	LSCU312	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Ngành
4	Quản trị Cảng biển trong hệ thống logistics	LSCU319	Logistics và Chuỗi cung ứng	2	BB	Ngành
5	Định mức kinh tế- kỹ thuật trong kinh doanh dịch vụ logistics	LSCU314	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Ngành
6	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
7	Kiến thức tự chọn ngành		Chọn 04 tín chỉ	4		
-	<i>Phát triển hệ thống logistics</i>	<i>LSEU325</i>	<i>Logistics và Chuỗi cung ứng</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
-	<i>An toàn và vệ sinh lao động trong logistics</i>	<i>LSEU328</i>	<i>Logistics và Chuỗi cung ứng</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
II.5	Tổng cộng:			17		

14. Thương mại điện tử

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Tổ chức ngành trong nền kinh tế số	IODE311	Thương mại điện tử	3	BB	Cơ sở ngành
3	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	ECSD312	Thương mại điện tử	3	BB	Cơ sở ngành
4	Quản trị website thương mại điện tử	WDI351	Thương mại điện tử	3	BB	Ngành
5	Tiếng Anh thương mại điện tử	ENEC314	Thương mại điện tử	3	BB	Ngành
6	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
7	Kiến thức tự chọn ngành		Chọn 3 tín chỉ	3		
-	<i>Quản trị tài chính doanh nghiệp</i>	<i>ACC103</i>	<i>Tài chính</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
	Tổng cộng:			17		

15. Ngôn ngữ Anh

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB	Lý luận chính trị
2	Kỹ năng Đọc 3	READ135	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Cơ sở ngành
3	Kỹ năng Viết 3	WRIT135	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Cơ sở ngành
4	Kỹ năng Nghe 3	LIST135	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Cơ sở ngành
5	Kỹ năng Nói 3	SPEA135	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Cơ sở ngành
6	Dẫn nhập Ngữ âm và Âm vị học Tiếng Anh	PHON104	Ngôn ngữ Anh	2	BB	Ngành
7	Cầu lông	CL111	Giáo dục thể chất	1*	TC	GDTC
8	Kiến thức tự chọn ngành		Chọn tối thiểu 04 tín chỉ	4		
-	<i>Dẫn nhập ngữ dụng học Tiếng Anh</i>	<i>PRAG105</i>	<i>Ngôn ngữ Anh</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
-	<i>Dẫn nhập từ vựng học Tiếng Anh</i>	<i>LEXI105</i>	<i>Ngôn ngữ Anh</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
	Tổng cộng:			20		

IV. KHÓA 67 – ĐHCQ: (Học kỳ thứ 3)

1. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Vật lý 2	PHYS222	Vật lý	2	BB	Khoa học tự nhiên
3	Phương trình vi phân	MATH243	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
4	Xử lý dữ liệu trong kỹ thuật xây dựng	DACE231	Công trình biển và đường thủy	2	BB	Khoa học tự nhiên
5	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
6	Trắc địa ứng dụng	ASUR215	Trắc địa	3	BB	Cơ sở khối ngành
7	Thực tập trắc địa	SURV224	Trắc địa	1	BB	Cơ sở khối ngành
8	Công nghệ trong vẽ kỹ thuật công trình thủy	THED231	Thủy Công	3	BB	Ngành
9	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			18		

2. Ngành Kỹ thuật xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Vật lý 2	PHYS222	Vật lý	2	BB	Khoa học tự nhiên
3	Phương trình vi phân	MATH243	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
4	Xử lý dữ liệu trong kỹ thuật xây dựng	DACE231	Công trình biển và đường thủy	2	BB	Khoa học tự nhiên
5	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
6	Trắc địa ứng dụng	ASUR215	Trắc địa	3	BB	Cơ sở khối ngành
7	Thực tập trắc địa	SURV224	Trắc địa	1	BB	Cơ sở khối ngành
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			15		

3. Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Vật lý 2	PHYS222	Vật lý	2	BB	Khoa học tự nhiên
3	Phương trình vi phân	MATH243	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
4	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
5	Sức bền vật liệu 1	CE214	Sức bền - Kết cấu	3	BB	Cơ sở khối ngành
6	Sức bền vật liệu 2	CE325	Sức bền - Kết cấu	2	BB	Cơ sở khối ngành
7	Địa chất công trình	GEOT214	Địa kỹ thuật	2	BB	Cơ sở khối ngành
8	Thực tập địa chất công trình	GEOT324	Địa kỹ thuật	1	BB	Cơ sở khối ngành
9	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			17		

4. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Vật lý 2	PHYS222	Vật lý	2	BB	Khoa học tự nhiên
3	Phương trình vi phân	MATH243	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
4	Xử lý dữ liệu trong kỹ thuật xây dựng	DACE231	Công trình biển và đường thủy	2	BB	Khoa học tự nhiên
5	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
6	Trắc địa ứng dụng	ASUR215	Trắc địa	3	BB	Cơ sở khối ngành
7	Thực tập trắc địa	SURV224	Trắc địa	1	BB	Cơ sở khối ngành
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			15		

5. Ngành Quản lý xây dựng (C)

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLPE222	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Nhập môn xác suất thống kê	MATH253	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
3	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
4	Đồ họa kỹ thuật 2	DRAW324	Đồ họa kỹ thuật	2	BB	Cơ sở khối ngành
5	Cơ học cơ sở 1	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3	BB	Cơ sở khối ngành
6	Kinh tế lượng	ECO112	Kinh tế	2	BB	Cơ sở khối ngành
7	Thủy văn công trình	HYDR346	Thủy văn và Biển đổi khí hậu	3	BB	Cơ sở ngành
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			17		

6. Ngành Kỹ thuật tài nguyên nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Phương trình vi phân	MATH243	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
3	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
4	Đồ họa kỹ thuật	DRAW223	Đồ họa kỹ thuật	3	BB	Cơ sở khối ngành
5	Cơ học kỹ thuật 1	MEEG112	Cơ học kỹ thuật	3	BB	Cơ sở khối ngành
6	Kỹ thuật tài nguyên nước	WRE437	Kỹ thuật tài nguyên nước	3	BB	Cơ sở ngành
7	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			16		

7. Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Nhập môn đại số tuyến tính	MATH233	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
3	Phương trình vi phân	MATH243	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
4	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
5	Cơ học kỹ thuật 1	MEEG112	Cơ học kỹ thuật	3	BB	Cơ sở khối ngành
6	Cơ học chất lỏng	FLME214	Thủy lực	3	BB	Cơ sở khối ngành
7	Hóa nước	CHEM244	Kỹ thuật Hóa học	2	BB	Cơ sở ngành
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			17		

8. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Xác suất thống kê	MATH254	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
2	Tiếng Anh 2	ENG224	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
3	Cơ sở dữ liệu	CSE484	Hệ thống thông tin	3	BB	Cơ sở khối ngành
4	Mạng máy tính	CSE489	Mạng và An toàn thông tin	3	BB	Cơ sở khối ngành
5	Lập trình hướng đối tượng	CSE116	Công nghệ phần mềm	3	BB	Cơ sở khối ngành
6	Hệ điều hành	CSE482	Mạng và An toàn thông tin	3	BB	Cơ sở khối ngành
7	Phát triển ứng dụng web cơ bản	CSE122	Hệ thống thông tin	3	BB	Cơ sở ngành
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			21		

9. Ngành Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Xác suất thống kê	MATH254	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
2	Tiếng Anh 2	ENG224	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
3	Cơ sở dữ liệu	CSE484	Hệ thống thông tin	3	BB	Cơ sở khối ngành
4	Mạng máy tính	CSE489	Mạng và An toàn thông tin	3	BB	Cơ sở khối ngành
5	Lập trình hướng đối tượng	CSE116	Công nghệ phần mềm	3	BB	Cơ sở khối ngành
6	Hệ điều hành	CSE482	Mạng và An toàn thông tin	3	BB	Cơ sở khối ngành
7	Phát triển ứng dụng web cơ bản	CSE122	Hệ thống thông tin	3	BB	Cơ sở ngành
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			21		

10. Ngành Kế toán

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn Quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
3	Marketing căn bản	BACU102	Quản trị kinh doanh	3	BB	Cơ sở khối ngành
4	Nguyên lý thống kê	BACU203	Quản trị kinh doanh	3	BB	Cơ sở ngành
5	Kế toán tài chính 1	ACC201	Kế toán	3	BB	Cơ sở ngành
6	Luật thương mại	CLAW204	Luật	2	BB	Cơ sở ngành
7	Kiến thức tự chọn ngành, chuyên ngành		Chọn 2 tín chỉ	2		
-	<i>Soạn thảo văn bản kinh doanh</i>	<i>ACC104</i>	<i>Kế toán</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn ngành</i>
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			18		

11. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLPE222	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
3	Tài chính - Tiền tệ	ACC101	Tài chính	2	BB	Cơ sở khối ngành
4	Nguyên lý kế toán	ACC102	Kế toán	3	BB	Cơ sở khối ngành
5	Marketing căn bản	BACU102	Quản trị kinh doanh	3	BB	Cơ sở khối ngành
6	Luật thương mại	CLAW204	Luật	2	BB	Cơ sở ngành
7	Khởi nghiệp	BAEU201	Quản trị kinh doanh	2	BB	Cơ sở ngành
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			17		

12. Ngành Kinh tế xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn Quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLPE222	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Nhập môn xác suất thống kê	MATH253	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
3	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
4	Đồ họa kỹ thuật 2	DRAW324	Đồ họa kỹ thuật	2	BB	Cơ sở khối ngành
5	Cơ học cơ sở 1	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3	BB	Cơ sở khối ngành
6	Kinh tế lượng	ECO112	Kinh tế	2	BB	Cơ sở khối ngành
7	Khởi nghiệp	BAEU201	Quản trị kinh doanh	2	BB	Cơ sở ngành
8	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh tế và kinh doanh	AIEB325	Kinh tế và kinh doanh số	3	BB	Ngành
9	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			19		

13. Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Nhập môn xác suất thống kê	MATH253	Toán học	2	BB	Khoa học tự nhiên
3	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
4	Tài chính - Tiền tệ	ACC101	Tài chính	2	BB	Cơ sở khối ngành
5	Luật thương mại	CLAW204	Luật	2	BB	Cơ sở khối ngành
6	Nguyên lý thống kê	BACU203	Quản trị kinh doanh	3	BB	Cơ sở khối ngành
7	Quản trị chuỗi cung ứng	LSCU101	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Cơ sở ngành
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			17		

14. Ngành Thương mại điện tử

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLPE222	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
3	Nguyên lý kế toán	ACC102	Kế toán	3	BB	Cơ sở khối ngành
4	Tài chính - Tiền tệ	ACC101	Tài chính	2	BB	Cơ sở khối ngành
5	Marketing căn bản	BACU102	Quản trị kinh doanh	3	BB	Cơ sở khối ngành
6	Kinh doanh thương mại	COMB221	Thương mại điện tử	3	BB	Cơ sở ngành
7	Nhập môn mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	INCN212	Thương mại điện tử	3	BB	Cơ sở ngành
8	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			19		

15. Ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLPE222	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
3	Dẫn luận ngôn ngữ	LING103	Phát triển kỹ năng	2	BB	Cơ sở khối ngành
4	Kỹ năng Nghe Tiếng Anh 1	LIST123	Ngôn ngữ Anh	2	BB	Cơ sở ngành
5	Kỹ năng Nói Tiếng Anh 1	SPEA123	Ngôn ngữ Anh	2	BB	Cơ sở ngành
6	Kỹ năng Đọc Tiếng Anh 1	READ123	Ngôn ngữ Anh	2	BB	Cơ sở ngành
7	Kỹ năng Viết Tiếng Anh 1	WRIT123	Ngôn ngữ Anh	2	BB	Cơ sở ngành
8	Ngữ pháp Tiếng Anh	GRAM111	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Ngành
9	Tự chọn ngoại ngữ		Chọn 3 tín chỉ	3		
-	<i>Tiếng Trung 1</i>	<i>CHIN112</i>	<i>Ngôn ngữ Trung Quốc</i>	<i>3</i>	<i>TC</i>	<i>Ngoại ngữ</i>
10	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			21		

16. Ngành Luật

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SCSO232	Mác - Lênin	2	BB	Lý luận chính trị
2	Tiếng Anh 1	ENG213	Tiếng Anh	3	BB	Ngoại ngữ
3	Lịch sử các học thuyết chính trị pháp lý	HPLT117	Luật	2	BB	Cơ sở ngành
4	Luật Hành chính	AL112	Luật	3	BB	Ngành
5	Luật Hình sự 2	CL222	Luật	2	BB	Ngành
6	Luật Dân sự 2	CILW322	Luật	2	BB	Ngành
7	Luật Thương mại 1	CL132	Luật	3	BB	Ngành
8	Phần tự chọn đại cương		Chọn 2 tín chỉ	2		
-	<i>Lịch sử văn minh thế giới</i>	<i>CIVI104</i>	<i>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	<i>2</i>	<i>TC</i>	<i>Tự chọn đại cương</i>
9	Bóng chuyền 1	BC111	Giáo dục thể chất	1*	CC	Giáo dục thể chất
	Tổng cộng:			19		

